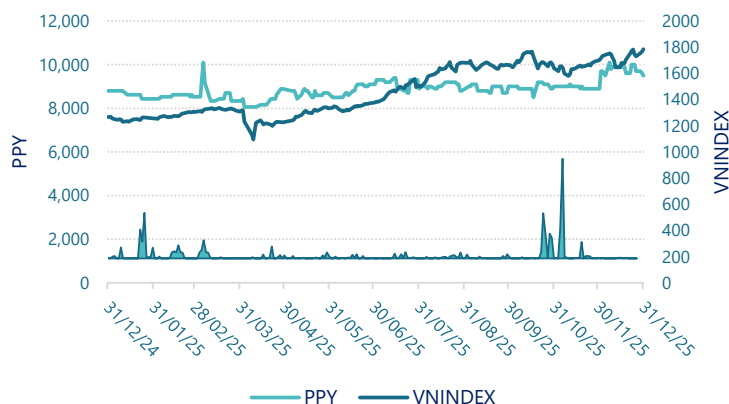


CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (HNX: PPY)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,059
SL cổ phiếu LH	9,343,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,595
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	89
P/E	66.7
EPS	142

DT thuần

Q4/25

1,050

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.0 | 2.3%

YoY: ▲ 165 | 18.6%

LN sau thuế

Q4/25

-2.21

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.75 | -244%

YoY: ▼ 7.21 | -144%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

0.1%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2025

4,130

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 330 | -7.4%

LN sau thuế

2025

1.33

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 10.2 | -88.4%

ROE

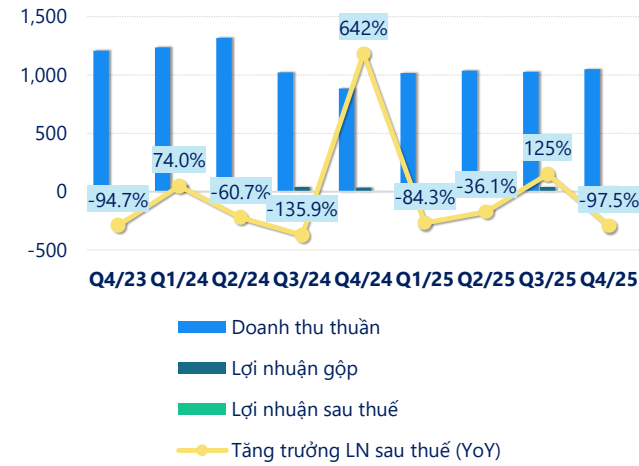
2025

0.9%

+/- YoY: ▼ 6.5%

tỷ VNĐ

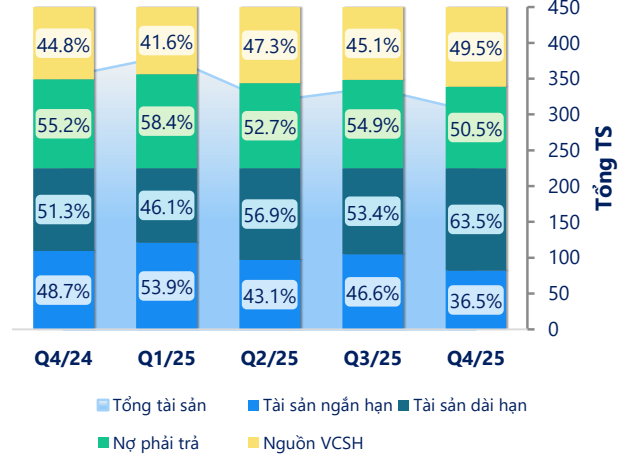
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

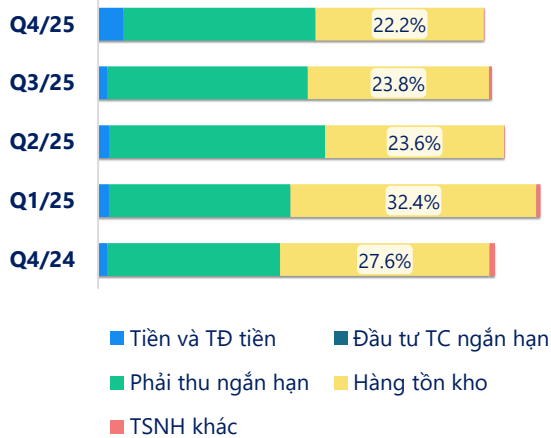
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



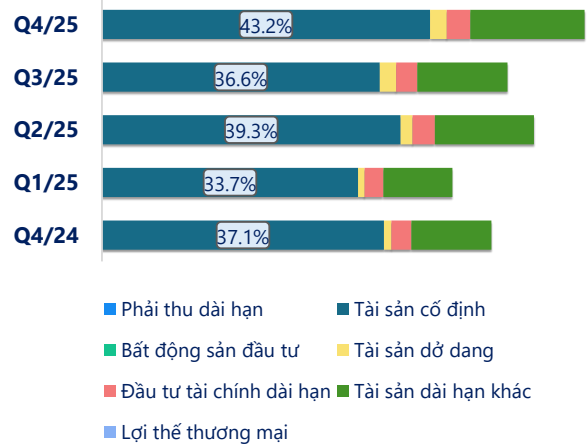
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

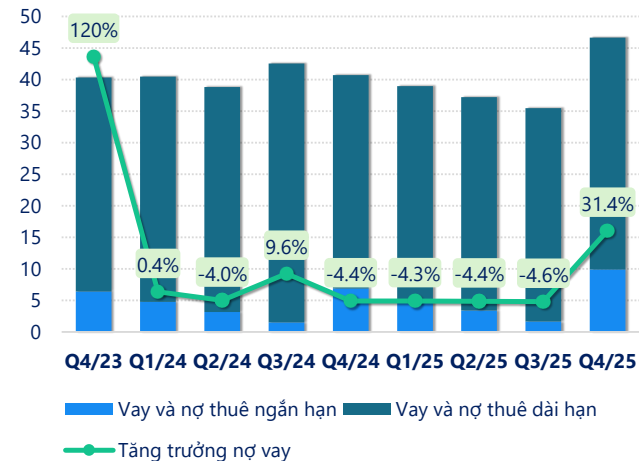
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

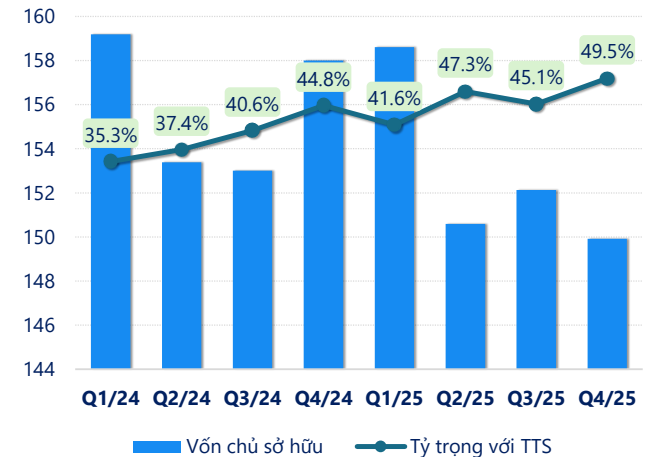
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

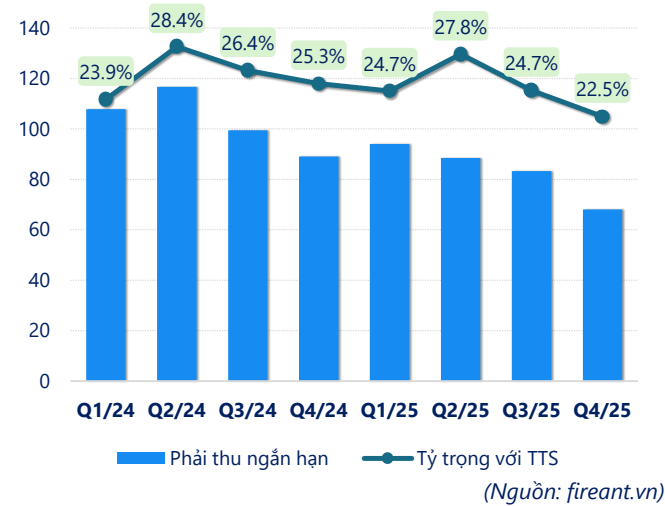
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

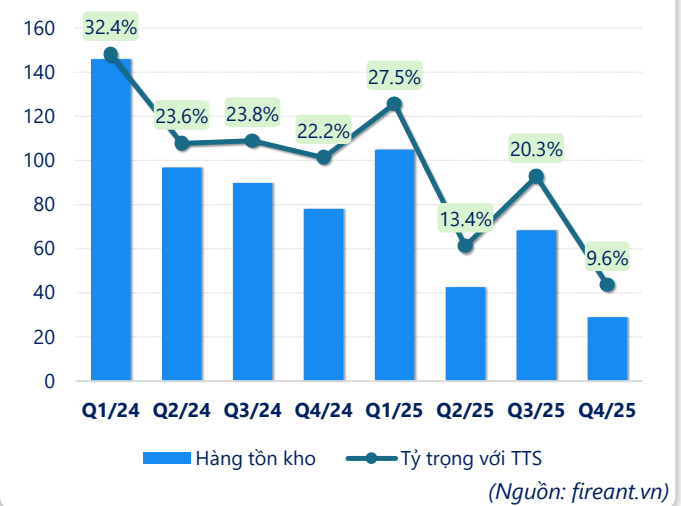


(Nguồn: fireant.vn)

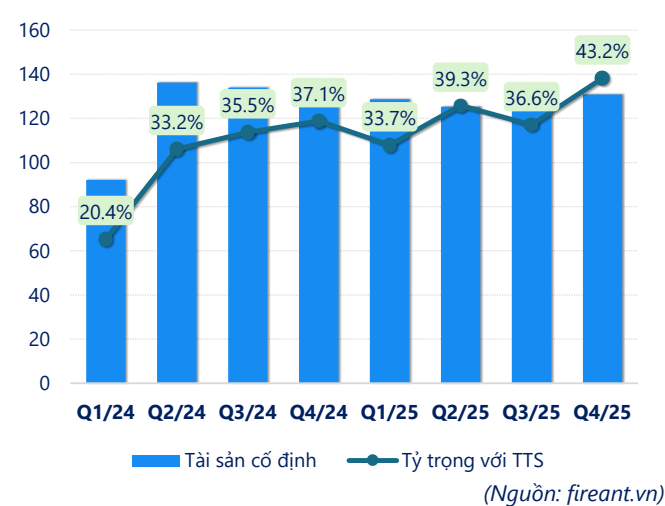
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


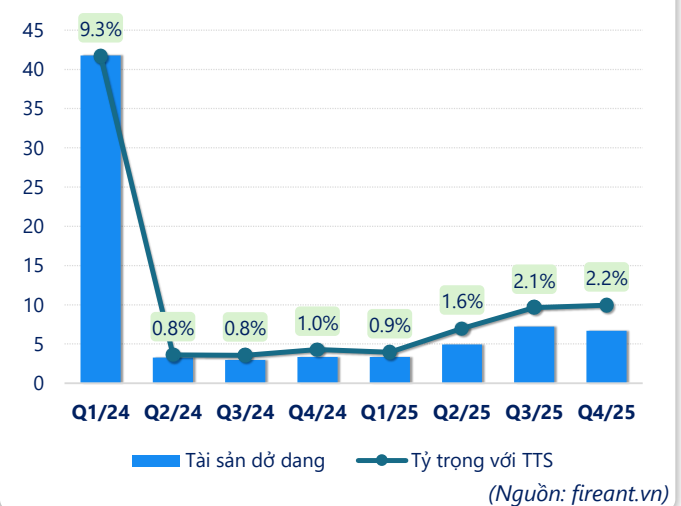
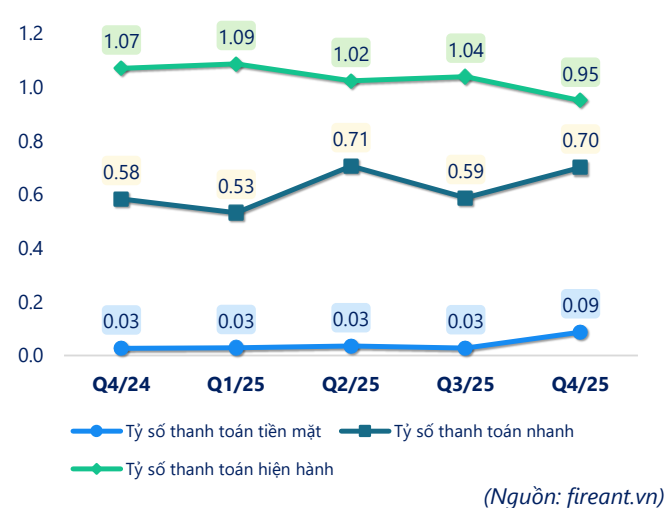
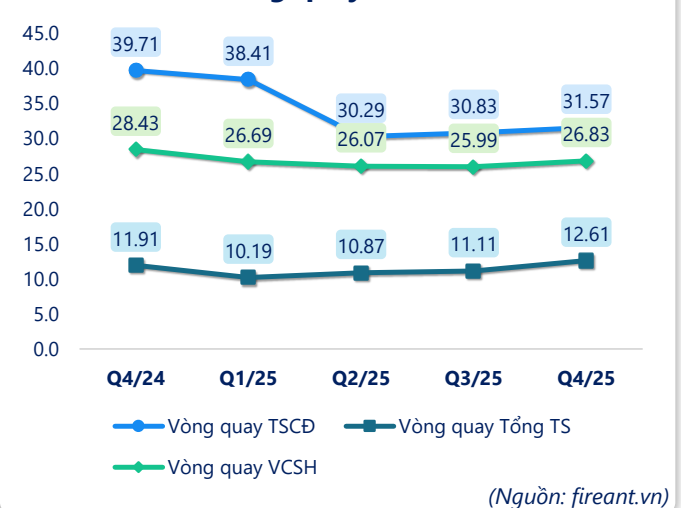
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	352	382	319	337	303
Tài sản ngắn hạn	172	205	137	157	110
Tiền và tương đương tiền	4.28	5.38	4.69	4.16	10.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	89.1	94.1	88.5	83.3	68.1
Hàng tồn kho	78.1	105	42.6	68.4	29.0
Tài sản ngắn hạn khác	0.29	1.13	1.55	1.36	3.29
Tài sản dài hạn	181	176	181	180	192
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	131	129	125	123	131
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.36	3.36	4.95	7.22	6.69
Đầu tư tài chính dài hạn	9.36	9.36	9.36	9.36	9.36
Tài sản dài hạn khác	37.1	34.7	41.6	40.1	45.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	194	223	168	185	153
Nợ ngắn hạn	161	189	134	151	116
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.87	5.11	3.38	1.66	9.91
Phải trả người bán ngắn hạn	103	128	70.6	87.6	43.8
Nợ dài hạn	33.8	33.8	33.8	33.8	36.7
Vay và nợ thuê dài hạn	33.8	33.8	33.8	33.8	36.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	158	159	151	152	150
Vốn chủ sở hữu	158	159	151	152	150
Vốn điều lệ	93.4	93.4	93.4	93.4	93.4
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)